

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 14/5/2019

V/v: “Chia thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Tiến

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Xuân Miến

2. Bà Nguyễn Thị Thân

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Ngọc Tú - Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2017/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc: “Chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Hải B, sinh năm 1949; đăng ký nhân khẩu thường trú: 12A phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú hiện nay: số nhà 110 ngõ 20 tổ 6 phường M 2, quận N, Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1960; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Phòng 33+34 – A2 Tập thể N, quận Đ, Thành phố Hà Nội (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Việt D, sinh năm 1955; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Tổ 4 phường N, quận C, Thành phố Hà Nội (có mặt)

3.2. Ông Phan Việt H, sinh năm 1959; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 6 H, phường P, quận N, Thành phố Hà Nội (vắng mặt)

3.3. Ông Phan Hoàng H, sinh năm 1962; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Nhà 1 dãy 2 Tập thể K80, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3.4. Ông Phan Hoàng V, sinh năm 1963; đăng ký nhân khẩu thường trú: Tập thể 12 A L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các ông Phan Việt D, Phan Việt H, Phan Hoàng H, Phan Hoàng V là ông Phan Hải B, sinh năm 1949; Trú tại: Số 110 ngõ 20 tổ 6 phường M2, quận N, Thành phố Hà Nội (có mặt).

3.5. Phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội, Trụ sở: 310 phố B, quận H, Thành phố Hà Nội (xin vắng mặt).

3.6. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1987; Cùng tạm trú tại: số 6 ngách 14/35 tổ dân phố số 7B phố V, phường B, quận H, thành phố Hà Nội (xin vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4. 1 . Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Phòng Tập thể, phường B, quận H, TP. Hà Nội(vắng mặt)

4. 2. Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1973; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Phòng 302 Tập thể X ngõ 84 N,Q. B, TP. Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 /6/2017, đơn khởi kiện bổ sung, các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Cha ông là cụ Phan H, sinh năm 1928 chết ngày 28/11/2001 và mẹ ông là cụ Cao Thị H sinh năm 1931 chết năm 1993; sinh thời cha mẹ ông sinh được 05 người con bao gồm ông là Phan Hải B, Phan Việt D, Phan Việt H, Phan Hoàng H và Phan Hoàng V.

Năm 1965 cha ông được phân căn hộ số 22 dãy A Tập thể 12A L, quận H, Thành phố Hà Nội để ở. Mẹ ông là cụ Cao Thị H chết năm 1993. Đến năm 1994 cha ông kết hôn với cụ Nguyễn Kỳ Minh N. Năm 1999 căn cứ vào Nghị định số 61 của Chính phủ, cha ông là cụ Phan H được UBND thành phố Hà Nội ra quyết định đồng ý để cha ông được mua căn hộ số 22 dãy A Tập thể 12A L, quận H, Thành phố Hà Nội (tổng diện tích nhà đất khoảng 92m²) giấy tờ nhà đất đứng tên cha ông.

Ngày 09/3/1995 cha ông lập di chúc theo đó tại mục 2.1 cha ông dành 30m² nằm trong tổng diện tích 92m² đất cho cụ Nguyễn Kỳ Minh N. Phần còn lại trong di chúc thể hiện cho 5 người con.

Sau khi mua nhà theo Nghị định 61 do có nhu cầu khám chữa bệnh tại bệnh viện 108, cha ông chuyển nhượng 30m² cho gia đình ông Hoàng X trong diện tích 80m² căn hộ trên được khoảng 300.000.000đồng, sau đó mua nhà ở phố V, quận H, Thành phố Hà Nội có diện tích khoảng 30m² ngôi nhà 2,5 tầng với số tiền khoảng trên dưới 100.000.000đồng, cho 02 em ông mỗi người 10 cây vàng là ông Phan

Việt D và ông Phan Việt H tương đương với số tiền 47.500.000đồng. Số tiền còn lại ông không biết cha ông sử dụng vào việc gì.

Sau khi mua nhà ở phố V thì nhà đất đứng tên 2 cụ H và N vào khoảng năm 2000 hai cụ dọn về nhà này để sinh sống. Quá trình sinh sống tại đây không có ai khác ở cùng hai cụ.

Ngày 18/5/2001 cha ông lập di chúc để lại toàn bộ tài sản bao gồm nhà đất tại phố V và tài sản đồ dùng sinh hoạt tại nhà này cho cụ Nguyễn Kỳ Minh N. Cha ông mất ngày 28/11/2001 thì khoảng 01 năm sau cụ N có tổ chức họp gia đình tại phố V để công bố di chúc của cha ông và các ông không có ý kiến gì. Ngày 14/10/2015 cụ N chết. Sau khi cha ông chết cụ N chỉ sinh sống tại ngôi nhà ở phố V một thời gian sau thì dọn về nhà ở 22 ngõ T để sinh sống cùng anh trai cụ; khi cụ N ốm đau bên gia đình cụ N chăm sóc và không ai thông báo cho gia đình ông. Còn nhà ở phố V cụ cho thuê ở tầng 1 và cụ thu giữ số tiền cho thuê nhà để sinh hoạt hàng ngày.

Sau khi cụ N mất, ngày 15/10/2015 ông có viết 01 bức thư (được viết bằng tay chứ không phải đánh máy vi tính như ông T đưa ra) có nội dung để xin giữ lại căn nhà và tài sản trên đất tại tổ phố V như kỷ vật của cha ông vì ông không biết cụ N có để lại di chúc hay không và gửi cho ông T thì ông T trả lời là cụ N mới mất, chi phí chữa trị của cụ N chưa hạch toán và chưa xin được ý kiến của các cụ trong họ nên đến ngày 8/4/2017 ông có gặp ông T để bàn bạc về tài sản nhà đất ở phố V là tài sản chung của hai cụ nên ông T đề xuất 50% giá trị ngôi nhà là 500.000.000đồng trả lại cho ông T 50% còn lại là của cụ H chia thành 06 phần cho 05 anh em ông và ông T 01 phần. Ông có nói rằng nếu cụ N có để lại di chúc thì cứ thực hiện theo di chúc của cụ, nếu cụ N không để lại di chúc thì toàn bộ di sản thừa kế của cụ N thuộc về 05 anh em ông.

Ngày 15/4/2017 ông T có chuyển cho ông bản di chúc của cụ N. Bản di chúc được lập ngày 13/5/2015, nội dung di chúc là cụ N để lại căn nhà số 6 ngách 35, ngõ 14 phố V cho ông T. Ông cho rằng bản di chúc này là giả, căn cứ vào các lý do sau:

Bản di chúc được lập tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô nhưng không có xác nhận của bệnh viện là trái với Luật thừa kế và Bộ luật Dân sự 2005

Toàn bộ nội dung của di chúc và trình bày của công chứng viên đều được đánh máy vi tính là vi phạm Bộ luật Dân sự 2005

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L là cháu con anh chị của cụ N không được phép làm chứng cho di chúc của cụ N. Điều này vi phạm luật thừa kế Bộ luật Dân sự 2005

Chữ viết và chữ ký trên di chúc là giả khác hẳn chữ viết và chữ ký trên 03 văn bản của cụ N có xác nhận của Báo quân đội nhân dân.

Ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Kỳ Minh N theo pháp

luật đối với nhà đất tại số 6 ngách 35, ngõ 14 phố V tổ 58A, quận H, Thành phố Hà Nội và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 575505 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho ông Lê Quang T ngày 08/6/2017 đối với nhà đất tại số 6, ngách 35, ngõ 14 phố V tổ 58A, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Ông yêu cầu ông T giao lại di sản của cụ Ng để lại cho các ông quản lý. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Quang T trình bày:

Cụ Nguyễn Kỳ Minh N (là cô vợ của ông) kết hôn với cụ Phan H vào năm 1994. Ngày 09/3/1995 cụ H lập di chúc chỉ định người thừa kế và phân định tài sản cho từng thành viên mà cụ H chỉ định. Ngày 15/3/1995 cụ H viết giấy ủy nhiệm cho các con được cụ cho tài sản để làm các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/5/2001 cụ Phan H và cụ Nguyễn Kỳ Minh N cùng 05 người con đã lập Bản ghi nhớ khẳng định việc cụ đã chia tài sản cho 03 người con (con cả, con thứ 4 và con thứ 5). Hai cụ chỉ còn căn nhà ở 22A dãy A khu tập thể 12A L, quận H, Thành phố Hà Nội. Để có phần tài sản chia cho 02 người con còn lại, hai cụ đã quyết định bán căn nhà đang ở để mua căn nhà khác nhỏ hơn cho hai cụ và trích 20 cây vàng cho 02 người con, mỗi người 10 cây vàng.

Sau khi đã phân chia phần lớn tài sản của mình cho 05 người con, ngày 18/5/2001 cụ H mới lập di chúc để lại toàn bộ phần tài sản của cá nhân mình trong phần tài sản chung của vợ chồng (cụ là đồng sở hữu) cho vợ mình: căn nhà số 6 ngách 35, ngõ 14 phố V tổ 58A, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Sau khi cụ qua đời, phần tài sản của cụ sẽ thuộc về cụ Nguyễn Kỳ Minh N.

Căn cứ vào nội dung di chúc ngày 09/3/1995 của cụ Phan H để lại; nội dung cuộc họp tháng 3/2003, ngày 15/11/2004 cụ N đã lập Giấy xác nhận nhằm cam kết sẽ cùng với những người có liên quan nghiêm túc thực hiện ý nguyện và quyết định của cụ H.

Sau khi cụ Hiền mất, cụ N sống một mình tại căn nhà của 02 vợ chồng để hương khói cho cụ H. Năm 2013 cụ N đã được Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại địa chỉ trên.

Đến tháng 5/2015 cụ Nguyệt đã lập di chúc để lại toàn bộ phần diện tích đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của mình tại địa chỉ số 6, ngách 35, ngõ 14 phố Vạn Kiếp tổ 58A, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội cho ông là Lê Quang Thắng được nhận thừa kế toàn bộ.

Căn cứ vào các văn bản do cụ Phan H và cụ Nguyễn Kỳ Minh N để lại và những nội dung trên, ông không chấp nhận với những yêu cầu khởi kiện của ông B và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của ông Phan Hải B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Việt D, Phan Việt H, Phan Hoàng H, Phan Hoàng V cùng trình bày:

Cụ Nguyễn Kỳ Minh N là mẹ kế của các ông đã chết vào ngày 14/10/2015, sinh thời cụ N không có con riêng, không có con chung với cha các ông, không có con nuôi, cha mẹ cụ N đều đã chết. Trước khi chết cụ N không để lại di chúc nên theo quy định tại Điều 676 và Điều 679 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì toàn bộ di sản của cụ N để lại là tài sản của các ông gồm 5 anh em là con riêng của cụ H. Ông Lê Quang T là cháu rể của cụ N đã lập di chúc giả để chiếm đoạt toàn bộ tài sản của các ông trong đó có nhà đất tại 6 ngách 35, ngõ 14 phố V, tổ 58A, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Nay các ông đề nghị Tòa án buộc ông Lê Quang T phải trả lại toàn bộ kỷ vật của cha mẹ các ông, trả lại nhà đất tại phố V, trả số tiền ông T cho thuê nhà. Các ông đồng ý ủy quyền cho ông Phan Hải B đại diện làm việc với Tòa án và các cơ quan hữu quan.

Ông Nguyễn Đình L và bà Phạm Thị B là người thuê nhà trình bày xác định ông bà chỉ là người thuê nhà không có liên quan gì đến tài sản tranh chấp, đối phần cải tạo thêm là của sắt ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội khẳng định việc thực hiện chứng nhận, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, nội dung liên quan đến bản di chúc của cụ Nguyễn Kỳ Minh N do công chứng viên Phòng Công chứng số 1 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 13/5/2015, số công chứng 2887.15 quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm chứng nhận. Phòng Công chứng số 1 xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà là đã tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tài sản tranh chấp là bất động sản tại địa chỉ số 6 ngách 35, ngõ 14 phố V, phường B, quận H, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Thời điểm mở thừa kế khi Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14 tháng 10 năm 2015 cụ Nguyễn Kỳ Minh N chết. Ngày 20 /6/2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Kỳ Minh N. Ngày 09/11/2017 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 645 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn xét thấy:

4.1 Về di sản thừa kế: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Kỳ Minh N theo pháp luật đối với nhà đất tại số 6 ngách 35, ngõ 14 phố V, quận H, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 241558 đứng tên cụ Nguyễn Kỳ Minh N và cụ Phan H (đã chết). Ngày 06/6/2017 đăng ký biến động về chủ sử dụng đất; ngày 08/6/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 575505 cho ông Lê Quang T. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 21/12/2018 xác định giá trị nhà và đất tại số 6 ngách 35, ngõ 14 phố V, quận H, Thành phố Hà Nội có giá trị là 638.716.000đồng.

4.2 Nguyên đơn ông Phan Hải B cho rằng di chúc của cụ Nguyễn Kỳ Minh N số công chứng 2887.15; Quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13 tháng 05 năm 2015 do Phòng công chứng số 1 Hà Nội lập tại Bệnh viện Hữu Nghị Hà Nội do bị đơn xuất trình tại Tòa án là giả và đề nghị Tòa án trưng cầu giám định. Xét thấy Theo kết luận giám định số 103/GĐKTHS-P11 ngày 02/5/2018 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc Phòng kết luận chữ viết và chữ ký trong Di chúc là của cụ N. Sau khi có kết quả giám định của Phòng giám định Bộ Quốc Phòng nguyên đơn cho rằng kết quả giám định không khách quan và đề nghị chuyển sang Viện giám định khoa học kỹ thuật hình sự Bộ công an để giám định lại cả chữ viết chữ ký, dấu vân tay, đồng thời giám định tuổi mực viết, mực máy. Ngày 13/9/2018 Tòa án nhận được đơn đề nghị giám định lại và giám định bổ sung dấu vân tay trong Di chúc. Ngày 01/10/2018 ông B có đơn đề nghị giám định dấu vân tay của bà N trong Di chúc và xin rút không đề nghị giám định lại chữ viết chữ ký nữa. Theo kết luận giám định số 306/C09(P3) ngày 26/10/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận dấu vân tay trong Di chúc là của cụ N. Do vậy bản di chúc của cụ Nguyễn Kỳ Minh N số công chứng 2887.15; Quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13 tháng 05 năm 2015 do Phòng công chứng số 1 Hà Nội lập mà ông B cho rằng là giả mạo là không có căn cứ. Bản di chúc này là di chúc bằng văn bản có công chứng; nội dung của di chúc là sự tự nguyện của cụ N để lại tài sản sau khi chết cho ông T, nội dung này không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, khi lập di chúc cụ N minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép; hai người làm chứng trong di chúc không thuộc diện những người không được làm

chứng theo quy định tại Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 2005. Căn cứ Điều 652, 657, 658, 661 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì di chúc của cụ Nguyễn Kỳ Minh N có công chứng của Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội; do vậy xác định di chúc của cụ N là hợp pháp nên yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ. Bởi những người này không thuộc trường hợp người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc theo quy định tại Điều 669 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong vụ án này quan hệ giữa nguyên đơn ông Phan Hải B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn với người để lại di sản thừa kế là cụ Nguyễn Kỳ Minh N là quan hệ giữa con riêng của chồng với mẹ kế. Theo quy định tại Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định "*Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 676 và Điều 677 của Bộ luật này*". Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và xác nhận của các đương sự trong vụ án này xác định cụ H và cụ N kết hôn từ năm 1995, khi hai cụ kết hôn thì các con riêng của cụ H đã có gia đình riêng và ở riêng, chỉ có hai cụ chăm sóc lẫn nhau, từ năm 2000 cho đến khi chết cụ N sinh sống tại phố V, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội; lúc cụ N ốm đau các con riêng của cụ H không có ai chăm sóc điều này ông Phan Hải B đã thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy không có căn cứ xác định giữa cụ N với các con riêng của cụ H có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như mẹ con nên không được hưởng di sản thừa kế theo quy định tại Điều 679 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

4.3 Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CH 575505 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho ông Lê Quang T ngày 08/6/2017 đối với nhà đất tại số 6 ngách 35, ngõ 14 phố V phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Theo hướng dẫn tại mục 2 Phần II của Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính nêu "*... việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận nội dung biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng (các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai) là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt... người nhận chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã xác nhận nội dung biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển nhượng...*" do vậy Tòa án không đưa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không xem xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của nguyên đơn.

Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Phan Hải B là người cao tuổi, do vậy được miễn tiền án phí. Trả lại ông Phan Hải B 21.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 652, 657, 658, 661, 674, Điều 676 và Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản

[2] Về án phí: Nguyên đơn ông Phan Hải B được miễn tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Phan Hải B số tiền 21.300.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AC/2015/0003264 ngày 09/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm; Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án Q. Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

Phạm Văn Tiến

